

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TỰ ĐỘNG THỦ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số 135 NS ngày 17 tháng 11 năm 2020)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

- 1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG MẦM NON 6
- 2. Mã đơn vị: 1049734
- 3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 083 003 282 260 002 - Ngân hàng TMCP ĐÔNG Á - PGD Lý Thường Kiệt

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			191.515.134			191.515.134					
I.	Đối với công chức, viên chức			191.515.134			191.515.134					
1	ĐOÀN THỊ THANH HUỆ	0107001516	NH Đông Á	10.727.947			10.727.947					
2	TRẦN THỊ HẠNH	0102588396	NH Đông Á	12.719.118			12.719.118					
3	PHẠM THỊ BÍCH HUỲNH	0101375786	NH Đông Á	12.450.298			12.450.298					
4	NGUYỄN THỊ KIM ANH	0102175164	NH Đông Á	10.308.783			10.308.783					
5	HỒ THỊ KIM LIÊN	0101969697	NH Đông Á	11.435.992			11.435.992					
6	NGUYỄN THỊ NGỌC NỮ	0101562681	NH Đông Á	9.832.397			9.832.397					
7	TRƯƠNG THỊ NGỌC DUNG	0102553860	NH Đông Á	8.496.534			8.496.534					
8	LÝ THỊ NGỌC BÍCH	0108553709	NH Đông Á	5.816.108			5.816.108					
9	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	0102593446	NH Đông Á	5.935.822			5.935.822					
10	VÕ HUỲNH BẢO NGỌC	0111163122	NH Đông Á	5.243.945			5.243.945					
11	NGUYỄN THUY QUỲNH	0101662820	NH Đông Á	8.119.659			8.119.659					
12	LÝ THỊ BẢO QUYNH	0101826450	NH Đông Á	7.089.781			7.089.781					
13	TRẦN THỊ NHUNG	0101962740	NH Đông Á	7.781.338			7.781.338					
14	TRẦN THỊ YẾN NHI	0101647067	NH Đông Á	5.919.967			5.919.967					

DANH SÁCH CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC NHẬN TIỀN TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND
QUÝ III NĂM 2020

Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Hệ số lương của CBCVCV hưởng				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số điều chỉnh thu nhập	Số ngày làm việc tháng 7/2020 (23)	Số ngày làm việc tháng 8/2020 (21)	Số ngày làm việc tháng 9/2020 (22)	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ		Số tiền tăng thu nhập tháng 7/2020	Số tiền tăng thu nhập tháng 8/2020	Số tiền tăng thu nhập tháng 9/2020	Tổng cộng	Chú chú
			Tổng hệ số lương	Trong đó	PC	PC vượt khung						Thành tích	Tỷ lệ hưởng thu nhập tăng thêm					
A	B	C	$I=2+3+4$	2	3	4	$5=\text{I} \times \text{mức lương cơ sở}$	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng cộng		91,917	88,370	2,200	1,347	119,492,100											
1	TRẦN THỊ HẠNH	Hiệu trưởng	5,928	4,980	0,5	0,448	8,832,720	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	4,239,706	4,239,706	4,239,706	12,719,118	
2	HỒ THỊ KIM LIÊN	Phó hiệu trưởng	5,330	4,980	0,35		7,941,700	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,811,980	3,811,996	3,812,016	11,435,992	
3	ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN	Phó hiệu trưởng	5,000	4,650	0,35		7,450,000	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,575,966	3,575,981	3,576,000	10,727,947	
4	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Giáo viên	5,180	4,980	0,2		7,718,200	0,6	18	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,899,331	3,704,716	3,704,736	10,308,783	
5	PHẠM THỊ BÍCH HUYỀN	Giáo viên	5,429	4,980	0,2	0,249	8,089,210	0,6	13	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	100%	2,743,272	4,853,500	4,853,526	12,450,298	
6	NGUYỄN THUY QUỲNH	Giáo viên	3,060	2,860	0,2		4,559,400	0,8	18	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,283,643	2,918,000	2,918,016	8,119,659	
7	NGUYỄN THỊ THẢO	NV văn thư	4,910	4,060	0,2	0,65	7,315,900	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,511,632	3,511,632	3,511,632	10,534,896	
8	LÝ THỊ NGỌC BÍCH	Giáo viên	3,340	3,340			4,976,600	0,6	10	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,038,585	2,388,755	2,388,768	5,816,108	
9	TRƯƠNG THỊ NGỌC DUNG	Giáo viên	3,960	3,960			5,900,400	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,832,165	2,832,177	2,832,192	8,496,534	
10	BÙI THỊ HỒNG	Giáo viên	3,030	3,030			4,514,700	0,6	13	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,224,846	2,167,044		3,391,890	
11	NGUYỄN THỊ HỒNG	Giáo viên	3,030	3,030	0,2		4,514,700	0,6			22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,601,722	2,167,044	2,167,056	5,935,822	TĐ lương 7/2020
12	NGUYỄN THUY LONG	Kế toán	4,270	4,270			6,362,300	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,053,904	3,053,904	3,053,904	9,161,712	
13	LÊ THỊ NGUYỄN	Giáo viên	2,410	2,410			3,590,900	0,8	16			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,598,716			1,598,716	Đã nghỉ 1/2020
14	VÕ HUYỀN BẢO NGỌC	Giáo viên	1,860	1,860			2,771,400	0,8	22	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,696,563	1,773,686	1,773,696	5,243,945	
15	TRẦN THỊ YẾN NHÌ	Giáo viên	3,340	3,340			4,976,600	0,6	11	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,142,444	2,388,755	2,388,768	5,919,967	
16	TRẦN THỊ NHUNG	Giáo viên	2,720	2,720			4,052,800	0,8	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,593,768	2,593,778	2,593,792	7,781,338	
17	NGUYỄN THỊ NGỌC NỮ	Giáo viên	4,650	4,650			6,928,500	0,6	22	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,181,055	3,325,662	3,325,680	9,832,397	
18	PHẠM NGỌC MINH PHUÔNG	Giáo viên	2,720	2,720			4,052,800	0,8	18	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,029,905	2,593,778	2,593,792	7,217,475	
19	LÝ THỊ BẢO QUYỀN	Giáo viên	3,000	3,000			4,470,000	0,8	11	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,368,196	2,860,785	2,860,800	7,089,781	
20	MAI THỊ LỘC	Giáo viên	2,460	2,460			3,665,400	0,8	17	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,733,877	2,345,843	2,345,856	6,425,576	
21	HOÀNG THUY HƯƠNG VÂN	Giáo viên	2,660	2,660			3,963,400	0,8	11	21	21	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	1,213,134	1,328,676	2,421,303	4,963,113	
22	ĐỖ THỊ HỒNG BÍCH XUÂN	Giáo viên	2,720	2,720			4,052,800	0,8	21	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,368,223	2,593,778	2,593,792	7,555,793	
23	BÀNG THỊ MAI LAN	Giáo viên	4,650	4,650			6,928,500	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	3,325,680	3,325,662	3,325,680	9,977,022	Đã duyệt 7/2020
24	NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC	Giáo viên	3,030	3,030			4,514,700	0,6	23	21	22	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	80%	2,167,056	2,167,044	2,167,056	6,501,156	Đã duyệt 7/2020
	Tổng cộng		91,917	88,370	2,200	1,347	136,956,330							57,235,369	66,521,902	67,757,863	191,515,134	

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm mười lăm ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng.

KẾ TOÁN

(Chữ ký)

Nguyễn Thủy Long

